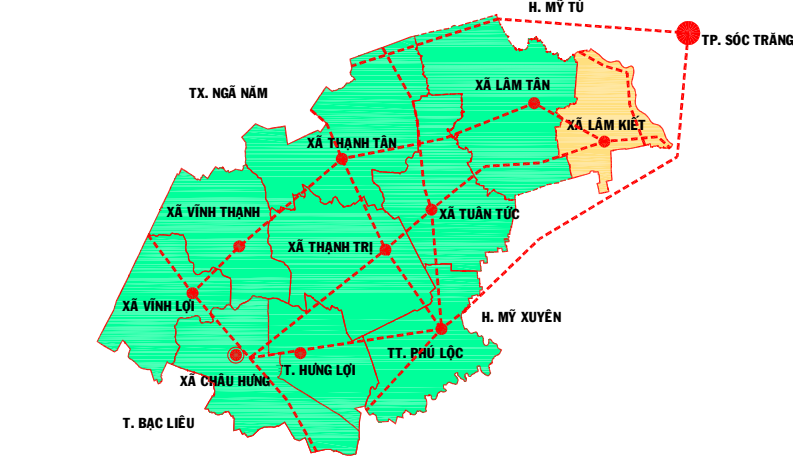
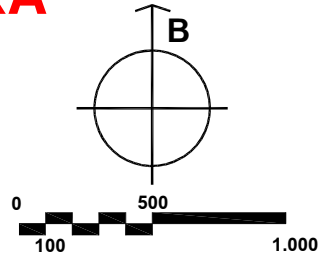


ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÃ LÂM KIẾT, HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN TOÀN XÃ



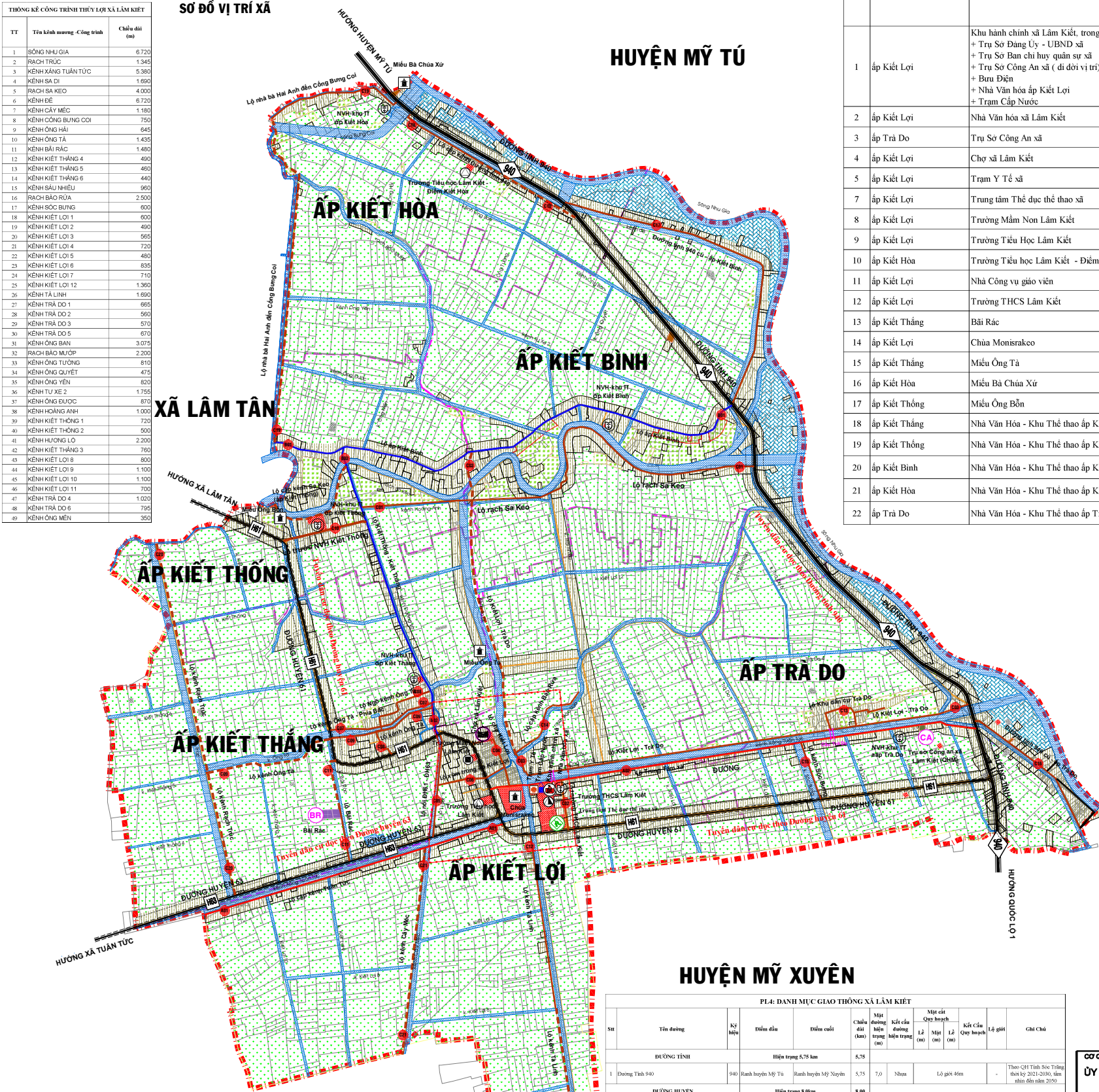
TỶ LỆ: 1/5.000



THÔNG KÊ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI XÃ LÂM KIẾT		
TT	Tên kênh mương - Công trình	Chiều dài (m)
1	SÔNG NHƯ GIA	6.720
2	RẠCH TRƯỚC	1.345
3	KÊNH XÃNG TUẦN TỨC	5.380
4	KÊNH SA DI	1.690
5	RẠCH SA KEO	4.000
6	KÊNH ĐỀ	6.720
7	KÊNH CÂY MÈC	1.180
8	KÊNH CÔNG BUNG CỎI	750
9	KÊNH ÔNG HẢI	645
10	KÊNH ÔNG TÀ	1.435
11	KÊNH BÀI RÁC	1.480
12	KÊNH KIẾT THẮNG 4	490
13	KÊNH KIẾT THẮNG 5	460
14	KÊNH KIẾT THẮNG 6	440
15	KÊNH SÁU NHIỀU	960
16	RẠCH BẢO RỪA	2.500
17	KÊNH SỎO BUNG	600
18	KÊNH KIẾT LỢI 1	600
19	KÊNH KIẾT LỢI 2	490
20	KÊNH KIẾT LỢI 3	565
21	KÊNH KIẾT LỢI 4	720
22	KÊNH KIẾT LỢI 5	480
23	KÊNH KIẾT LỢI 6	835
24	KÊNH KIẾT LỢI 7	710
25	KÊNH KIẾT LỢI 12	1.380
26	KÊNH TÀ LÍNH	1.690
27	KÊNH TRÁ DO 1	665
28	KÊNH TRÁ DO 2	560
29	KÊNH TRÁ DO 3	570
30	KÊNH TRÁ DO 5	670
31	KÊNH ÔNG BÀN	3.075
32	RẠCH BẢO MẬP	2.300
33	KÊNH ÔNG TƯỜNG	810
34	KÊNH ÔNG QUYẾT	475
35	KÊNH ÔNG YẾN	820
36	KÊNH TỰ XE 2	1.755
37	KÊNH ÔNG ĐƯỢC	870
38	KÊNH HOÀNG ANH	1.000
39	KÊNH KIẾT THẮNG 1	720
40	KÊNH KIẾT THẮNG 2	500
41	KÊNH HƯƠNG LỘ	2.300
42	KÊNH KIẾT THẮNG 3	760
43	KÊNH KIẾT LỢI 8	800
44	KÊNH KIẾT LỢI 9	1.100
45	KÊNH KIẾT LỢI 10	1.100
46	KÊNH KIẾT LỢI 11	700
47	KÊNH TRÁ DO 4	1.020
48	KÊNH TRÁ DO 6	705
49	KÊNH ÔNG MÈN	390

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÃ

HUYỆN MỸ TÚ



HUYỆN MỸ XUYỀN

HUYỆN MỸ XUYỀN

PL4: DANH MỤC GIAO THÔNG XÃ LÂM KIẾT													
STT	Tên đường	Ký hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Mật độ đường hiện trạng (m/km)	Mật độ quy hoạch (m/km)	Mức cấp quy hoạch	Kết cấu quy hoạch	Lộ giới	Ghi chú		
ĐƯỜNG TỈNH					Hiện trạng 5,75 km	5,75							
1	Đường tỉnh 940	940	Ranh huyện Mỹ Tú	Ranh huyện Mỹ Xuyên	5,75	7,0	Như	Lộ giới 6m	-		Theo QH Tỉnh Soc Trữ thừ kđ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050		
ĐƯỜNG HUYỆN					Hiện trạng 8,8km	8,80							
1	Đường huyện 61	H61	Đường tỉnh 940	Ranh xã Lâm Tân	5,80	3,5	Như	Phạm vi đất đai cho đường bộ 32m	-		Đường liên tỉnh		
3	Đường huyện 63	H63	Đường huyện 61	Ranh xã Lâm Tân	2,20	3,5	Như	Phạm vi đất đai cho đường bộ 32m	-		Đường liên tỉnh		
ĐƯỜNG XÃ, LIÊN XÃ					Hiện trạng 5,10 km	5,10							
1	Lộ cấp kinh Trại Tân	A01	Đường huyện 61	Ranh xã Lâm Tân	1,80	3,5	BTCT	1,00	3,5	1,00	BTCT	20	Nâng cấp, giao lộ
2	Lộ Trung Tâm Xã	A02	Đường tỉnh 940	Đường huyện 61	2,80	3,5	BTCT	1,00	3,5	1,00	BTCT	20	Nâng cấp, giao lộ
ĐƯỜNG ẤP VÀ LIÊN ẤP					Hiện trạng 4,65 km	4,65							
1	Lộ ấp Kiết Bình	B01	Đường tỉnh 940	Ranh xã Lâm Tân	2,00	3,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
2	Lộ Kiết Thôn - Kiết Bình	B02	Đường huyện 61	Lộ ấp Kiết Bình	1,75	3,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
ĐƯỜNG NGÕ XOM					Đường đạt chuẩn cấp 10: 22,68 km Chưa đạt chuẩn: 2,57 km	26,28	Dạt:	99%					
1	Lộ Rạch Sa Kéo	C01	Đường tỉnh 940	Kênh Đường Lộ	2,70	2,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
2	Lộ trước THCS Lâm Kiệt	C02	Đường huyện 61	Đường huyện 63	0,30	3,5	BTCT	0,5	3,5	0,5	Như	13	Nâng cấp, giao lộ
3	Lộ Kênh Lộ - Trại Do (Đoạn 1)	C03	Đường tỉnh 940	Cầu Trại Do	0,80	2,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
4	Lộ Kênh Lộ - Trại Do (Đoạn 2)	C03	Cầu Trại Do	Rạch Bào Rùa	1,90	3,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
5	Lộ Kênh Lộ - Trại Do (Đoạn 3)	C03	Rạch Bào Rùa	Lộ ấp Kiết Bình	1,80	1,5	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
6	Lộ chợ Kênh Lộ	C04	Đường huyện 61	Đường huyện 63	0,40	4,0	BTCT	0,5	4,0	0,5	BTCT	6	Nâng cấp, giao lộ
7	Lộ nóc ĐH61 - ĐH63	C05	Đường huyện 61	Đường huyện 63	0,60	2,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
8	Lộ Nôm Trại Do - Kênh Lộ	C06	Lộ nóc ĐH61 - ĐH63	Lộ chợ Kênh Lộ	0,40	2,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
9	Lộ kênh Ông Trá - Phú Bặc	C07	Đường huyện 61	Lộ Cáp kênh Đường Lộ	0,65	2,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
10	Lộ Ngã Kênh Lộ - Trại Do	C08	Đường huyện 61	Lộ Cáp kênh Đường Lộ	0,65	2,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
11	Lộ Kênh Ông Trá - Phú Nam (Đoạn 1)	C09	Đường huyện 61	Lộ Cáp kênh Đường Lộ	0,60	2,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
12	Lộ trước Nhà văn hóa Kiết Thôn	C10	Đường huyện 61	Kênh Đường Lộ	0,50	2,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
13	Lộ Bàu Rùa (Đoạn 1)	C11	Đường huyện 63	Bàu Rùa	0,30	2,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
14	Lộ Kênh Trá Linh (Đoạn 1)	C12	Đường huyện 61	Kênh Lộ Lộ 6	1,00	2,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
15	Lộ Kênh cũ và Tân Do	C13	Lộ Kênh Lộ - Trại Do	Khu dân cư	0,65	2,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
16	Lộ cấp kinh Bào Rùa	C14	Lộ Kênh Lộ - Trại Do	Rạch Bào Rùa vào 800m	0,60	2,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
17	Lộ Kênh Soc Bưng	C15	Đường huyện 61	Đường huyện 63	0,36	2,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
18	Đường tỉnh 940 cũ - ấp Trại Do	C16	Đường tỉnh 940	Ranh huyện Mỹ Xuyên	0,90	3,5	BTCT	0,5	3,5	0,5	Như	13	Nâng cấp, giao lộ
19	Đường tỉnh 940 cũ - ấp Kiết Bình	C17	Đường tỉnh 940	Ranh huyện Mỹ Xuyên	2,00	2,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
20	Lộ cấp kinh Đường tỉnh 940 (Đoạn 1)	C18	Đường tỉnh 940	Trường Tiểu học	0,52	2,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
21	Lộ nóc hù Hai Anh đến Công Bung Cỏi (Đoạn 1)	C19	Đường tỉnh 940	Kênh Công Bung Cỏi	0,80	3,0	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
22	Lộ nóc hù Hai Anh đến Công Bung Cỏi (Đoạn 2)	C19	Kênh Công Bung Cỏi	Rạch Sa Kéo	1,95	1,5	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
23	Lộ Kênh Rạch Trại	C20	Đường huyện 63	Ranh xã Lâm Tân	2,10	1,5	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
24	Lộ Kênh Cáp Mìn	C21	Lộ cấp kinh Trại Tân	Ranh huyện Mỹ Xuyên	1,20	1,5	BTCT	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
ĐƯỜNG NGÕ XOM, QUY HOẠCH CỘNG HÒA													
1	Lộ Kênh Ông Trá - Phú Nam (Đoạn 2)	C09	Đường huyện 61	Rạch Trại	0,80	-	Đi dân	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Quy hoạch cùng hồ
2	Lộ Bàu Rùa (Đoạn 2)	C11	Bàu Rùa	Đường huyện 61	0,32	-	Đi dân	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Quy hoạch cùng hồ
3	Lộ Kênh Trá Linh (Đoạn 2)	C12	Kênh Lộ Lộ 6	Ranh huyện Mỹ Xuyên	0,80	-	Đi dân	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Quy hoạch cùng hồ
4	Lộ cấp kinh Đường tỉnh 940 (Đoạn 2)	C18	Trường Tiểu học	Đường tỉnh 940	0,65	-	Đi dân	0,5	3,5	0,5	BTCT	13	Quy hoạch cùng hồ

CHÚ THÍCH:



PL03: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG XÃ LÂM KIẾT					
STT	Vị trí	Tên công trình	Diện tích đất hiện trạng (m ²)	Diện tích quy hoạch (m ²)	Định hướng
1	ấp Kiết Lợi	Khu hành chính xã Lâm Kiệt, trong đó bao gồm: + Trụ Sở Đảng Ủy - UBND xã + Trụ Sở Ban chỉ huy quân sự xã + Trụ Sở Công an xã (đi dời vị trí) + Bưu Điện + Nhà Văn hóa ấp Kiết Lợi + Trạm Cấp Nước	6.890,2		Nâng cấp, chỉnh trang
2	ấp Kiết Lợi	Nhà Văn hóa xã Lâm Kiệt	1.920,0	-	Nâng cấp, chỉnh trang
3	ấp Trà Do	Trụ Sở Công An xã	-	2.000,0	Quy hoạch mới
4	ấp Kiết Lợi	Chợ xã Lâm Kiệt	1.192,9	1.500,0	Nâng cấp, mở rộng
5	ấp Kiết Lợi	Trạm Y Tế xã	2.250,0	3.000,0	Nâng cấp, mở rộng
7	ấp Kiết Lợi	Trung tâm Thể dục thể thao xã	-	16.000,0	Quy hoạch mới
8	ấp Kiết Lợi	Trường Mầm Non Lâm Kiệt	4.288,2	-	Nâng cấp, chỉnh trang
9	ấp Kiết Lợi	Trường Tiểu Học Lâm Kiệt	4.441,6	6.000,0	Nâng cấp, mở rộng
10	ấp Kiết Hòa	Trường Tiểu học Lâm Kiệt - Điểm Kiết Hòa	1.412,1	-	Nâng cấp, chỉnh trang
11	ấp Kiết Lợi	Nhà Công vụ giáo viên	420,0	-	Nâng cấp, chỉnh trang
12	ấp Kiết Lợi	Trường THCS Lâm Kiệt	8.584,7	-	Nâng cấp, chỉnh trang
13	ấp Kiết Thắng	Bãi Rác	2.500,0	5.500,0	Nâng cấp, mở rộng
14	ấp Kiết Lợi	Chùa Monisrakco	1.578,0	-	Giữ Hiện trạng
15	ấp Kiết Thắng	Miếu Ông Tà	500,0	-	Giữ Hiện trạng
16	ấp Kiết Hòa	Miếu Bà Chúa Xứ	900,0	-	Giữ Hiện trạng
17	ấp Kiết Thôn	Miếu Ông Bồn	1.000,0	-	Giữ Hiện trạng
18	ấp Kiết Thắng	Nhà Văn Hóa - Khu Thể thao ấp Kiết Thắng	1.188,0	800,0	Nâng cấp từ NSHCD
19	ấp Kiết Thôn	Nhà Văn Hóa - Khu Thể thao ấp Kiết Thôn	66,0	800,0	Nâng cấp, mở rộng từ NSHCD
20	ấp Kiết Bình	Nhà Văn Hóa - Khu Thể thao ấp Kiết Bình	381,2	800,0	Nâng cấp, mở rộng từ NSHCD
21	ấp Kiết Hòa	Nhà Văn Hóa - Khu Thể thao ấp Kiết Hòa	66,0	800,0	Nâng cấp, mở rộng từ NSHCD
22	ấp Trà Do	Nhà Văn Hóa - Khu Thể thao ấp Trà Do	71,6	800,0	Nâng cấp, mở rộng từ NSHCD

KÝ HIỆU:



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ

Kiểm tra quyết định số: _____ ngày: _____ tháng: _____ năm: _____

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN THANH TRỊ

Kiểm tra từ hình số: _____ ngày: _____ tháng: _____ năm: _____

CHỖ ĐẤU TỤ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LÂM KIẾT

Kiểm tra từ hình số: _____ ngày: _____ tháng: _____ năm: _____

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÃ LÂM KIẾT
HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN TOÀN XÃ

BẢN VẼ: QH03	GHÉP: 02 X A0	TỶ LỆ: 1/5.000	NGÀY: 12 / 2024
THẺ HIỆN:	KS. VÕ SỸ PHÚ		
THIẾT KẾ:	KTS. HUỖNH SONG TRĂNG		
CHỖ TRÍ:	Th.S KTS. HUỖNH THỊ THẢO NGUYỄN		
CHỖ NHẬN:	Th.S KTS. HUỖNH THỊ THẢO NGUYỄN		
QL KỸ THUẬT:	Th.S NGUYỄN XUÂN VINH HIỀN		

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Th.S VÕ TUẤN KIẾT

SỞ XÂY DỰNG TỈNH SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
Địa chỉ: 12, CHÁU VĂN TIẾP, P2, TP. ST. TEL.: 02983.620.072 FAX: 02983.623004